TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ PHONG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2021/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 29 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vi Văn C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Vi Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vang Thanh T; chức vụ: Phó giám đốc, chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Q, Tây Nghệ An.

Địa chỉ: Khối N, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Ngân hàng chính sách xã hội V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khoa V; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối N, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTHQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Anh Vi Văn C và chị Vi Thị H.
2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn C và chị Vi Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên là Vi Phúc T, sinh ngày 10/02/2011 cho chị Vi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 6/2021 cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Vi Văn C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 6/2021 cho đến khi Vi Phúc T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không được ai cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Vi Văn C được quyền sử dụng các thửa đất số 100, tờ bản đồ số 12 tại xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận: Phía Đông giáp vườn ông Vi Thanh D dài 42,39 mét; phía Tây giáp đất, ông Vi Văn Đ, dài 47,89 mét; phía Bắc giáp đất vườn ông Vi Thanh D rộng 14,55 mét; phía Nam giáp đường liên thôn, rộng 16,11 mét; diện tích 663,5 (Sáu trăm sáu mươi ba phẩy năm) mét vuông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00322 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 09/02/2015 và thửa số 113, tờ bản đồ số 12 tại xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Vi Thị M dài 29 mét; phía Tây giáp đất ông Đinh Hồng P, dài 34 mét; phía Bắc giáp đất ông Vi Văn V rộng 13,97 mét; phía Nam giáp đường Quốc lộ 16, rộng 12,79 mét; diện tích 386,9 (Ba trăm tám mươi sáu phẩy chín) mét vuông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00344 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 27/6/2017. Anh Vi Văn C được sở hữu 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4 nằm trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 12, xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An và một chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 37A- 446.90. Anh Vi Văn C có nghĩa vụ trích tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Vi Thị H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Chị Vi Thị H được sở hữu một chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 37 F1-197.88; được sở hữu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ PRUDENTIAL số 73149 891, cấp ngày 08/7/2014 và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền trích chênh lệch chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Các đương sự thỏa thuận anh Vi Văn C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, tại chi nhánh huyện Q tây Nghệ An 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3614LAV202000564/HĐTD ngày 28/4/2020; anh Vi Văn C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội, tại phòng giao dịch huyện Q 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng mã khách hàng số 2800203503, mã món vay 6000002800256951, tổ 0196701.

- Về án phí: Anh Vi Văn C và chị Vi Thị H là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí; nên được miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền không có lãi, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Q.*
- *UBND xã C.*
- *Chi cục THADS huyện Q.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Phong